

Số: 501/TB-HĐ

Bình Chánh, ngày 31 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

**Danh sách thí sinh không đủ điều kiện tham gia xét tuyển viên chức vòng 2;
Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển viên chức vòng 2 và
thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển viên chức vòng 2
ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở
năm học 2023 – 2024**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 5561/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở năm học 2023 - 2024;

Căn cứ kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển và đề nghị của các Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển;

Căn cứ Quyết định số 6333 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở, năm học 2023 – 2024;

Nay, Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở, năm học 2023 – 2024, thông báo cụ thể như sau:

1. Kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển

- Thí sinh không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2: 05 người;

- Thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2: 246 người.

(Đính kèm danh sách chi tiết)

2. Thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2

- Triệu tập đối với 246 thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2.

- Thời gian xét tuyển: Bắt đầu từ 07 giờ, 30 phút, ngày 09/9/2023.
- Địa điểm xét tuyển: tại Trường Tiểu học Tân Túc, địa chỉ: C1/3G, đường Bùi Thanh Khiết, khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh
(Đính kèm lịch xét tuyển chi tiết và Danh mục tài liệu ôn tập)

3. Về việc ôn và thu phí tham gia xét tuyển

- Thời gian: Từ ngày 05/9/2023 đến ngày 07/9/2023 (do Thủ trưởng đơn vị quyết định).
- Địa điểm: Tại đơn vị thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Lệ phí thi: 400.000 đồng/thí sinh (theo Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

4. Hình thức, nội dung xét tuyển: Phòng vấn thực hành.

- Thí sinh bốc thăm chuẩn bị trả lời câu hỏi: 05-10 phút
- Thời gian sát hạch cho mỗi ứng viên không quá 30 phút.

4. Cơ cấu thang điểm: Tổng điểm: 100 điểm, bao gồm:

- Kiến thức chung: 20 điểm;
- Kiến thức chuyên môn: 40 điểm (dành cho vị trí dự tuyển Giáo viên); 50 điểm (dành cho vị trí dự tuyển Nhân viên);
- Tác phong sư phạm: 10 điểm;
- Kỹ năng trình bày, diễn đạt mạch lạc, tự tin, giọng nói to, rõ, phát âm chuẩn: 20 điểm;
- Chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lý, khoa học (dành cho vị trí dự tuyển Giáo viên): 10 điểm.

Lưu ý:

- Thí sinh phải có mặt trước phòng xét tuyển theo thời gian quy định, trang phục gọn gàng, lịch sự.
- Xuất trình Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh để Hội đồng xét tuyển viên chức kiểm tra trước khi vào phòng xét tuyển.
- Thực hiện đảm bảo công tác phòng, chống dịch theo quy định.

Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo khối Trung học cơ sở, năm học 2023 – 2024 thông báo đến thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- TTUB;
- Thành viên HĐXTVC;
- Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Ban Kiểm tra, sát hạch;
- Ứng viên dự xét tuyển;
- P.NV, P.GDĐT, PTCKH;
- Cổng thông tin điện tử Huyện;
- Cổng thông tin PGDĐT;
- CVP, PCVP;
- Lưu VT-TH, PNV.L.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phan Thị Cẩm Nhung**



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2023 - 2024
(Kèm theo Thông báo số 501/TB-HĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
1	Lê Thị Thủy Linh		20/01/1998	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
2	Lương Lê Long Thịnh	27/03/1990		Cử nhân Sư phạm tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
3	Lê Đoàn Thanh Trúc		06/11/1998	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Không	Không	Chứng chỉ BD nghiệp vụ sư phạm đối với GV THCS	Giáo viên THCS hạng III dạy môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
4	Nguyễn Văn Quang	10/03/1986		Cử nhân Sư phạm Toán	Cử nhân Sư phạm Toán	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương binh 4/4	5	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
5	Phan Phú Quý	16/08/1999		Cử nhân Sư phạm Toán	Cử nhân Sư phạm Toán	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không			Trường THCS Bình Chánh
6	Trần Thị Ái Quyên		24/11/1999	Cử nhân Sư phạm Toán	Cử nhân Sư phạm Toán	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không			Trường THCS Bình Chánh
7	Đỗ Thị Kim Phượng		01/05/2001	Cử nhân Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
8	Châu Thị Ngọc Trâm		29/10/1996	Cử nhân Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh
9	Phạm Thị Đỗ Uyên		02/07/1997	Cử nhân Giáo dục chính trị	Giáo dục chính trị	Không	Không	Không	Giáo viên THCS hạng III dạy môn GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Bình Chánh

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
10	Trần Văn Quốc	20/02/1991		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
11	Trương Hoàng Lộc	20/09/2000		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
12	Tô Thị Ngọc Bích	27/03/1997		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
13	Nguyễn Văn Quang	10/03/1986		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương binh hạng 4/4	5đ	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
14	Đỗ Mạnh Danh	05/12/1987		Cử nhân	Sư Phạm Toán Học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
15	Trần Thị Phương Mai		25/08/1988	Cử nhân	Sư phạm Toán học.				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
16	Lê Thị Thu Hà		15/10/1994	Thạc sĩ	Toán ứng dụng			Cử nhân Sư phạm Toán học	Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
17	Giảng Thị Thủy Duyên		09/01/1994	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
18	Lê Thị Kiều Oanh		19/01/1998	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng anh cấp THCS	Giáo viên môn Tiếng anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
19	Đặng Thị Phương Nhung		20/09/1999	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THCS	Giáo viên môn Tiếng anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
20	Lưu Quốc Anh	09/04/1996		Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng anh cấp THCS	Giáo viên môn Tiếng anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
21	Võ Duy Tiền	24/03/1998		Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
22	Tổng Quốc Hào	21/02/1999		Cử nhân	Giáo Dục Thể Chất				Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Dân tộc Thái	5đ	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
23	Trần Bá Đức	06/03/1991		Cử nhân	Giáo Dục Thể Chất				Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
24	Trần Viết Thế	06/05/1996		Đại học	Giáo dục thể chất				Giáo viên Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
25	Thái Ngọc Trâm		20/09/1996	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
26	Nguyễn Phước Sang	25/04/1997		Cử nhân	Sư Phạm Hoá Học				Giáo viên Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
27	Phan Thị Nhàn		18/9/1994	Cử nhân	Sư Phạm Hoá Học				Giáo viên Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
28	Trần Thị Bé Thanh		04/01/1997	Cử nhân	Sư phạm Hoá Học				Giáo viên Hóa	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
29	Mai Hữu Tuấn	16/08/2000		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
30	Nguyễn Thái Học	17/07/1991		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
31	Ngô Văn Tiến	15/10/1999		Cử nhân	Sư phạm Vật Lý				Giáo viên Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
32	Đoàn Thanh Tuyền		18/05/2000	Cử nhân	Sư phạm Địa Lí				Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
33	Đoàn Thị Mỹ Linh		24/05/1995	Cử nhân	Sư phạm Địa lí				Giáo viên Lịch sử - Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
34	Đoàn Thị Ý Nhi		07/03/1994	Cử nhân	Sư phạm Vật Lý				Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
35	Nguyễn Hồng Anh		17/01/2000	Cử nhân	Sư phạm Khoa học tự nhiên				Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
36	Vũ Thị Hòa		17/09/1996	Cử nhân	Sư phạm Sinh học				Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
37	Nguyễn Thị Mỹ Anh		20/01/1993	Cử nhân	Vật lý			Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giáo viên KHTN cấp THCS	Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
38	Nguyễn Thị Hà Thanh		09/04/1983	Đại học	Sư Phạm Hoá Học				Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
39	Trần Thị Hồng Hải		05/02/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
40	Lê Ngọc Hưng	14/12/1992		Đại học	Sư phạm KHTN				Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
41	Phan Thị Hồng Ngọc		16/08/1994	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy bộ môn Hóa học			Cử nhân Sư phạm Hoá học	Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
42	Trần Thị Ren		06/01/1994	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
43	Nguyễn Thị Ngọc Phương		12/10/1983	Trung cấp	Kế toán doanh nghiệp			Chứng chỉ đào tạo Thư Viện	Nhân viên Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
44	Phạm Hải Đăng	25/06/1992		Trung cấp	Công nghệ thông tin			Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện	Nhân viên Thư viện	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đồng Đen
45	Nguyễn Thành Nghĩa	16/01/1997		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
46	Nguyễn Hiếu Thảo		12/06/1993	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
47	Mai Trần Trí	15/02/1997		Cao đẳng	Dịch vụ pháp lý			Chứng chỉ Quản trị văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
48	Lê Thị Thu Hồng		31/01/1998	Cao đẳng	Sư phạm Kinh tế gia đình			Chứng chỉ Quản trị văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
49	Huỳnh Hồng Hạnh		19/11/1991	Cao đẳng	Marketing			Chứng chỉ Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ	Nhân viên Văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Đa Phước
50	Trần Chân Hưng		11/01/1988	Cử nhân	Ngữ văn Anh	Không		CCNVSP dành cho GV THCS	Giáo viên môn Tiếng anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Hưng Long
51	Đinh Văn Hùng	21/07/1986		Cử nhân	Ngữ văn Anh			CCNVSP dành cho GV THCS	Giáo viên môn Tiếng anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Hưng Long
52	Nguyễn Văn Phúc	12/05/1996		Cử nhân	Sư phạm -Địa lý	Không	Không	CCBD Gv môn Lịch sử- Địa lý	Giáo viên môn Lịch sử-Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Hưng Long
53	Nguyễn Thị Mỹ Quyền		01/01/1991	Cao Đẳng	Kế toán	Không	Không		Nhân viên kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Hưng Long

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
54	Nguyễn Thị Xuân Duyên		05/05/1992	Cử nhân	Kế toán	Không	Không		Nhân viên kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Hưng Long
55	Hoàng Thúy Ngân		22/11/2000	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
56	Lâm Thanh Ngọc		09/03/1994	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
57	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên		19/06/1999	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
58	Lê Ngọc Phượng		15/03/1981	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
59	Lê Huỳnh Thanh Trúc		29/01/1997	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
60	Trần Thị Oanh		19/04/1999	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
61	Châu Tấn Phát	05/12/2000		Cử nhân	Sư phạm Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
62	Lê Hữu Phúc	22/10/1999		Cử nhân	Sư phạm Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
63	Lê Minh Phú	15/09/1994		Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên môn Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
64	Đoàn Thanh Tuyền		18/05/2000	Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên môn Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
65	Koóng Giang Vũ Hung	17/08/2000		Cao đẳng	Công nghệ thông tin				Nhân viên Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Dân tộc thiểu số	5	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
66	Hồ Thị Thủy Phương		25/08/1987	Trung cấp	Công nghệ thông tin			Cử nhân, kế toán	Nhân viên Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Thái Bình
67	Đồng Văn Phương	07/09/1994		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh
68	Lê Thị Ngọc Tuyền		26/05/1994	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh Cao đẳng sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh
69	Lê Thị Thanh Tuyền		26/05/1999	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Bồi dưỡng NVSP dành cho GV Tiếng Anh cấp THCS	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh
70	Huỳnh Vy Vy		05/04/1990	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật				Giáo viên môn Mỹ thuật	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh
71	Nguyễn Thị Thu Tiên		21/03/1994	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Nguyễn Văn Linh
72	Hồ Nhật Vy		25/09/2001	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
73	Nguyễn Huỳnh Phúc Đạt	19/10/2001		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
74	Huỳnh Văn Lợi	25/01/1982		Đại học	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
75	Nguyễn Thành Nghĩa	16/01/1997		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
76	Phạm Hoàng Yến		26/03/1994	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
77	Võ Bùi Duy Thông	22/02/1986		Đại học sư phạm TPHCM	Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
78	Lê Thị Thanh Thảo		28/12/1986	Thạc sĩ Đại học	Toán học Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
79	Trần Thị Doan		11/09/2001	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
80	Trịnh Thị Bích Tuyền		13/10/1996	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
81	Dương Thị Xuân		12/08/1991	Cử nhân	Văn học			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
82	Võ Duy Tiền	24/03/1998		Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
83	Lê Trung Hiếu	09/09/1999		Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên dạy môn Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
84	Lê Minh Phú	15/09/1994		Cử nhân	Sư phạm Địa lý				Giáo viên dạy môn Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
85	Hồng Thị Yến Nhi		13/10/1998	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên dạy môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
86	Tôn Ngọc Tâm	03/06/1993		Thạc sĩ Cử nhân	LL và phương pháp dạy môn vật lý Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
87	Đinh Thị Tuyết Ngân		31/10/1996	Thạc sĩ Cử nhân	LL và phương pháp dạy môn vật lý Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
88	Nguyễn Văn Thành Nam	12/06/2001		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
89	Trần Yến Nhi		19/07/2001	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
90	Võ Hoài Thương		19/09/2001	Cử nhân	Sư phạm Sinh học				Giáo viên dạy môn Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
91	Võ Trọng Nhân	12/08/1999		Cử nhân sư phạm thể dục thể thao	Giáo dục thể chất				Giáo viên dạy môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phong Phú
92	Đoàn Thanh Tuyền		18/5/2000	Cử nhân	Sư phạm Địa lý			Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
93	Phạm Văn Bình	10/02/1983		Thạc sĩ	Ngành Toán Giải Tích				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
94	Nguyễn Văn Quang	03/10/1986		Cử nhân	Sư phạm Toán				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương binh	5	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
95	Trương Hoàng Lộc	20/9/2000		Cử nhân	Sư phạm Toán				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
96	Lê Nguyễn Xuân Sinh	21/01/1985		Thạc sĩ	Ngành Toán Giải Tích				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
97	Nguyễn Minh Trí	03/11/1991		Cử nhân	Sư phạm Toán				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
98	Huỳnh Thị Hồng Ngọc		01/08/1991	Cử nhân	Sư phạm Toán				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
99	Nguyễn Thị Nguyễn Thảo		18/9/2000	Cử nhân	Sư phạm Toán				Giáo viên Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
100	Lê Thị Hà Vy		26/9/2001	Cử nhân	GDTC				Giáo viên GDTC	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
101	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		30/7/1987	Cử nhân	Kế toán				Nhân viên kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
102	Vũ Thị Hiền		26/1/1988	Cử nhân	Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng				Nhân viên kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Phạm Văn Hai
103	Trần Thị Mai Linh		13/01/2000	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
104	Lê Nguyễn Xuân Sinh	21/01/1985		Đại học Thạc sĩ	Sư phạm Toán học Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
105	Ngô Như Ý	03/09/1994		Cử nhân Thạc sĩ	Toán học			Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm giáo viên Toán trung học cơ sở	Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Qui Đức
106	Bùi Ánh Try	15/11/1976		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
107	Trần Minh Đức	02/03/1992		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
108	Phạm Ngọc Hào	31/08/2001		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
109	Nguyễn Văn Quang	10/03/1986		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương binh	5	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
110	Lê Văn Thân	25/05/1997		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
111	Hồ Thanh Dũng	02/06/2000		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
112	Lê Thị Ngọc Mai		15/02/1997	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
113	Đặng Huy	14/06/1994		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
114	Trần Huy Hoàng	24/03/2001		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
115	Đặng Phương Thảo		14/09/1993	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Bồi dưỡng NVSP cho GV Tiếng Anh cấp THCS	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
116	Nguyễn Thị Kim Ngân		10/03/1999	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
117	Bùi Việt Bắc	27/09/1996		Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
118	Nguyễn Tân Thanh	05/09/1987		Cử nhân	Tin học			Cao đẳng sư phạm Tin học	Giáo viên môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Con thương binh	5	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
119	Nguyễn Thị Ngọc Trân		13/04/2001	Cử nhân	Sư phạm Tin học				Giáo viên môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
120	Vũ Bảo Toàn	03/05/2001		Cử nhân	Sư phạm Khoa học tự nhiên				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
121	Võ Tấn Dũng	19/10/1982		Trung cấp	Công nghệ thông tin				Nhân viên Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
122	Trần Minh Mão	27/11/1989		Cao đẳng	Tin học				Nhân viên Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Kiên
123	Lê Thị Ngọc Mai		15/02/1997	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
124	Nguyễn Thành Nghĩa	16/01/1997		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
125	Lê Nguyễn Xuân Sinh	21/01/1985		Cử nhân + Thạc sĩ	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
126	Ngô Như Ý	03/09/1994		Cử nhân + Thạc sĩ	Toán học			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
127	Đặng Thị Phương Nhung		20/09/1999	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
128	Đặng Phương Thảo		14/09/1993	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
129	Đỗ Thị Kim Phượng		01/05/2001	Cử nhân	Giáo dục Chính trị				Giáo viên môn GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
130	Võ Duy Tiền	24/03/1998		Cử nhân	Sư phạm Ngữ Văn				Giáo viên môn Ngữ Văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
131	Nguyễn Ngọc Duy Khang	17/03/1995		Trung cấp	Hành chính - văn thư				Nhân viên văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
132	Phan Thị Hồng Lua		06/06/1989	Trung cấp	Văn thư lưu trữ				Nhân viên văn thư	Văn thư viên trung cấp	02.008	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Nhựt
133	Lê Thị Ngọc Mai		15/02/1997	Cử nhân	Sư phạm Toán				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
134	Trần Chấn Hưng		11/01/1988	Cử nhân	Ngữ văn Anh			Bồi dưỡng NVSP cho giáo viên Tiếng anh cấp THCS	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
135	Lê Thị Thủy Linh		20/01/1998	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
136	Trần Anh Vũ	25/11/1998		Cử nhân	Sư phạm Sinh học				Giáo viên môn Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
137	Phạm Văn Thạch	27/12/1984		Cử nhân - Thạc sĩ	Sinh học - Sinh lý thực vật			Cao đẳng Sư phạm Hóa - Sinh	Giáo viên môn Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
138	Đỗ Thị Kim Phượng		01/5/2001	Cử nhân	Giáo dục chính trị				Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
139	Đoàn Kim Thủy		15/7/1998	Cử nhân	Giáo dục chính trị				Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
140	Trần Hồng Diệp	10/01/2000		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
141	Nguyễn Hoàng Phước Tiên	11/02/1999		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
142	Ngô Hoàn Hào	11/5/2001		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
143	Trần Thanh Hiệp	04/02/1997		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Bội đội xuất ngũ	2.5	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
144	Châu Tấn Phát	05/12/2000		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Quý Tây
145	Lê Thị Kim Oanh		07/09/1993	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
146	Nguyễn Ngọc Nga		02/11/1988	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Dân tộc Nùng	5	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
147	Lương Lê Long Thịnh	27/03/1990		Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
148	Lê Thị Ngọc Tuyền		26/05/1994	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Cao đẳng sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
149	Đặng Phương Thảo		14/09/1993	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
150	Nguyễn Ngọc Tường Vy		15/01/1999	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở	Giáo viên dạy Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
151	Nguyễn Thị Anh Thư		04/10/1998	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
152	Huỳnh Kim Thụy		26/01/1998	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
153	Đào Thị Kim Tuyến		03/02/2000	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
154	Nguyễn Thị Diễm Hà		14/12/2001	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
155	Nguyễn Thị Thảo Duy		26/02/1996	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
156	Nguyễn Văn Thành Nam	12/06/2001		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
157	Tôn Ngọc Tâm	03/06/1993		Thạc sĩ - Cử nhân	Khoa học giáo dục - Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
158	Huỳnh Ngọc Trâm		08/09/1990	Cử nhân	Vật lý			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
159	Nguyễn Quốc Bảo	11/06/2001		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
160	Ngô Văn Tiến	15/10/1999		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
161	Châu Ngọc Vinh	08/10/1997		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc
162	Võ Tấn Dũng	19/10/1982		Trung cấp	Công nghệ thông tin				Nhân viên Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Tân Túc

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
163	Nguyễn Thị Nguyên Thảo		18/09/2000	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
164	Đỗ Thị Thanh Thảo		19/09/2001	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
165	Nguyễn Thị Thu		25/12/1996	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
166	Trần Thị Phương Mai		25/08/1988	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
167	Đỗ Mạnh Danh	05/12/1987		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
168	Trương Hoàng Lộc	20/09/2000		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
169	Trần Văn Quốc	20/02/1991		Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
170	Lưu Quốc Anh	09/04/1996		Cử nhân	Ngôn ngữ Anh			Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
171	Lê Thị Loan		17/08/1988	Cử nhân	Giáo dục chính trị				Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
172	Huỳnh Thị Ánh Tuyết		02/03/1997	Cử nhân	Giáo dục chính trị				Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
173	Đỗ Thị Kim Phượng		01/05/2001	Cử nhân	Giáo dục chính trị				Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
174	Nguyễn Văn Thiên	02/01/1988		Cử nhân	Ngữ văn			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
175	Trần Như Anh		18/01/2001	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử-Địa lý				Giáo viên môn Lịch sử-Địa lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
176	Trần Thị Diệu Linh		22/04/2001	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
177	Lê Thị Chiên		08/05/1990	Cử nhân	Sư phạm Vật lý- Hóa học				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
178	Trần Thị Bé Thanh		04/01/1997	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
179	Nguyễn Thị Thủy Trâm		17/04/1999	Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
180	Nguyễn Trường Thọ	28/10/1985		Cử nhân	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
181	Trần Viết Thế	06/05/1996		Đại học	Giáo dục thể chất				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
182	Trần Thị Đành		05/05/1988	Cử nhân	Kế toán				Nhân viên kế toán	Kế toán viên trung cấp	06.032	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc A
183	Đỗ Mạnh Danh	05/12/1987		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
184	Nguyễn Thị Thủy Dung		25/01/1993	Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
185	Nông Đức Huy	06/02/1993		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Dân tộc Nùng	5	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
186	Trần Thị Phương Mai		25/08/1988	Cử nhân	Sư phạm Toán học				Giáo viên môn Toán học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
187	Nguyễn Văn Nguyễn	05/01/1991		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
188	Trần Văn Quốc	20/02/1991		Cử nhân	Sư Phạm Toán học				Giáo viên môn Toán học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
189	Nguyễn Xuân Hải	10/01/1984		Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh			Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp THCS	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
190	Đặng Thị Phương Nhung		20/9/1999	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh			chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THCS	Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
191	Nguyễn Ngọc Long Vân		25/02/2000	Cử nhân	Sư phạm Tiếng Anh				Giáo viên môn Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
192	Trần Mỹ Duyên		22/11/1998	Cử nhân	Sư phạm Sinh học				Giáo viên môn Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
193	Nguyễn Thùy Trang		02/12/2001	Cử nhân	Sư phạm Sinh học				Giáo viên môn Sinh học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
194	Lê Thị Loan		17/08/1988	Cử nhân	Giáo dục chính trị				Giáo viên môn GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
195	Nguyễn Phạm Bảo Trân		17/07/2001	Cử nhân	Giáo dục chính trị				Giáo viên môn GDCD	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
196	Đào Thị Dung		02/10/1982	Đại học	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
197	Đỗ Thị Hoàng Linh		28/06/1994	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
198	Lưu Yến Ngọc		15/07/1999	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
199	Trần Bá Đức	06/03/1991		Cử nhân	Giáo dục thể chất - Quốc phòng				Giáo viên môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
200	Nguyễn Thị Phương Anh		24/02/1998	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
201	Bùi Nguyễn Kim Cương		16/07/2000	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
202	Nguyễn Thanh Cường	13/04/1993		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo dục môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
203	Lê Thị Chiên		08/05/1990	Cử nhân	Sư phạm Vật lý (Sư phạm Lý -Hóa)				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
204	Nguyễn Mạnh Đức	18/07/1996		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
205	Hồ Anh Khoa	25/03/1989		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
206	Nguyễn Thị Mai Hương		08/02/1995	Cử nhân Cao đẳng	Hóa học Sư phạm Hóa - Sinh				Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
207	Nguyễn Hồng Huynh	01/04/1994		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
208	Đỗ Minh Lai	01/01/1991		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
209	Phạm Anh Nam	22/10/1989		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
210	Trần Như Hồng Ngọc		26/09/1998	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
211	Phan Thị Hồng Ngọc		16/08/1994	Thạc sĩ Cử nhân	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học. Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
212	Phan Thị Tuyết Nhi		23/11/2001	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
213	Triệu Tổ Quyền		28/6/2000	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	dân tộc Tày	5	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
214	Nguyễn Phước Sang	25/04/1997		Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
215	Trần Thị Bé Thanh		04/01/1997	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
216	Nguyễn Thị Ngọc Thúy		25/02/2001	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
217	Phạm Thị Thanh Tuyền		12/05/1996	Cử nhân Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học Ngành Hóa Lý Thuyết và Hóa lý				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B

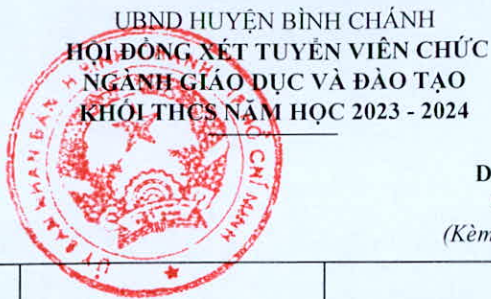
Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
218	Nguyễn Thị Yến Trinh		31/08/1997	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
219	Đào Thị kim Hương		02/12/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
220	Trần Thị Hồng Hải		05/02/1993	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
221	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như		14/02/1998	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
222	Vũ Thị Nhi Nữ		14/01/1995	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
223	Nguyễn Thị Diễm Thúy		30/8/1996	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
224	Ngô Văn Tiến	15/10/1999		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
225	Mai Hữu Tuấn	16/08/2000		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
226	Châu Ngọc Vinh	08/10/1997		Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
227	Hồ Thị Thúy Vy		06/06/1997	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
228	Đoàn Thị Mỹ Linh		24/05/1995	Cử nhân	Sư phạm Địa Lý				Giáo viên môn Địa Lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
229	Nguyễn Hà Xuyên		13/04/2000	Cử nhân	Sư phạm Địa Lý				Giáo viên môn Địa Lý	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
230	Lý Minh Hậu	14/12/2000		Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Dân tộc Khmer	5	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
231	Đào Thị Kim Hồng		25/06/1991	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử - Giáo dục Quốc phòng				Giáo viên môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
232	Tạ Thị Cẩm Ngân		07/06/2000	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
233	Nguyễn Thị Loan		20/11/1993	Cử nhân Thạc sĩ	Vật Lý Học Sư Phạm Vật lý Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý				Nhân viên thí nghiệm, Thiết bị	Nhân viên thí nghiệm, Thiết bị	V.07.07.20	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Vĩnh Lộc B
234	Lê Minh Duyên		25/04/1999	Cử nhân	Giáo dục Chính trị				Giáo viên môn Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
235	Nguyễn Thị Thanh Trúc		06/06/1999	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn				Giáo viên môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
236	Phạm Quang Thề	17/08/2000		Cử nhân	Sư phạm Lịch sử				Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý (Trình độ Lịch sử)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
237	Nguyễn Văn Duyệt	10/10/1978		Cử nhân	Sư phạm Sinh học				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên (Trình độ Sinh học)	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
238	Huỳnh Kim Thụy		26/01/1998	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên (Trình độ Vật lý)	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm ưu tiên (nếu có)		Nội dung thay đổi so với phiếu dự tuyển của ứng viên khi kiểm phiếu (nếu có)		Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Nội dung	điểm			
239	Nguyễn Thị Mỹ Anh		20/01/1993	Cử nhân	Vật lý			Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Khoa học tự nhiên (Trình độ Vật lý cấp Trung học cơ sở)	Giáo viên môn Khoa học tự nhiên (Trình độ Vật lý)	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
240	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như		14/02/1998	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên (Trình độ Vật lý)	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
241	Phạm Cẩm Tú		13/05/1994	Cử nhân	Sư phạm Vật lý				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên (Trình độ Vật lý)	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
242	Trần Thụy Tuyết Anh		14/06/1997	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên (Trình độ Hóa học)	Giáo viên THCS Hạng III	V.07.04.32	Dân tộc Hoa	5	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
243	Trần Thị Bé Thanh		04/01/1997	Cử nhân	Sư phạm Hóa học				Giáo viên môn Khoa học tự nhiên (Trình độ Hóa học)	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
244	Lê Thị Đăng		27/08/1990	Cao đẳng	Kế toán doanh nghiệp				Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	01.005	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
245	Ngô Thị Thanh Hiền		11/03/1980	Cao đẳng	Kế toán				Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	01.005	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân
246	Nguyễn Thị Thanh Ngọc		14/02/1985	Cao đẳng	Kế toán				Nhân viên Thủ quỹ	Nhân viên	01.005	Không	Không	Không	Không	Trường THCS Võ Văn Vân

Danh sách có 246 người./.

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI THCS HỌC NĂM HỌC 2023 - 2024



UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI THCS NĂM HỌC 2023 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2023 - 2024
(Kèm theo Thông báo số **501** /TB-HD ngày **31** tháng **8** năm 2023 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

Stt	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Chứng chỉ khác	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Lý do không đủ điều kiện dự tuyển vòng 2	Đơn vị đăng ký dự tuyển
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số		
1	Lê Thị Bích Phương		31/5/2000	Cử nhân	Ngôn Ngữ Anh	Tiếng Anh		Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho Giảng viên trong cơ sở ĐH	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Chứng chỉ NVSP không phù hợp	Trường THCS Phạm Văn Hai
2	Đoàn Nguyễn Trường Giang	28/3/2000		Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng Anh trình độ Bậc 3	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Chưa có bằng tốt nghiệp chính thức, chỉ có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.	Trường THCS Phạm Văn Hai
3	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		04/11/2001	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	Tiếng Anh trình độ Bậc 3	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Chưa có bằng tốt nghiệp chính thức, chỉ có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.	Trường THCS Phạm Văn Hai
4	Nguyễn Thị Thanh Nga		09/06/1988	Cử nhân	Vật lý học			Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên môn KHTN	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Bằng cử nhân không đúng chuyên ngành đào tạo giáo viên KHTN	Trường THCS Tân Nhựt
5	Nguyễn Ngọc Thu Trang		19/03/2000	Trung cấp chuyên nghiệp	Thư viện - Thiết bị trường học			Nhân viên	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Không	Chưa có bằng tốt nghiệp chính thức, chỉ có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.	Trường THCS Tân Túc

Danh sách có 05 người./.

THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC THAM GIA TUYỂN DỤNG VỊ TRÍ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN KHÁC
(Kèm theo Thông báo số 50/TB-HĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng xét tuyển)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	THỜI GIAN THI	NGÀY THI	ĐỊA ĐIỂM THI	PHÒNG THI
1	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	07 giờ, 30 phút	NGÀY 09/9/2023	TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TÚC ĐỊA CHỈ: C1/3G, ĐƯỜNG BÙI THANH KHIẾT, KHU PHỐ 3, THỊ TRẤN TÂN TÚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH	PHÒNG SỐ 12 (LẦU 1)
2	Trường THCS Tân Quý Tây	13 giờ			PHÒNG SỐ 12 (LẦU 1)
3	Trường THCS Qui Đức	07 giờ, 30 phút			PHÒNG SỐ 13 (LẦU 1)
4	Trường THCS Hưng Long	10 giờ			PHÒNG SỐ 13 (LẦU 1)
5	Trường THCS Tân Nhựt	13 giờ			PHÒNG SỐ 13 (LẦU 1)
6	Trường THCS Phạm Văn Hai	09 giờ			PHÒNG SỐ 14 (LẦU 1)
7	Trường THCS Đa Phước	14 giờ			PHÒNG SỐ 14 (LẦU 1)
8	Trường THCS Tân Kiên	07 giờ, 30 phút cho đến khi kết thúc			PHÒNG SỐ 15 (LẦU 1)
9	Trường THCS Bình Chánh	07 giờ, 30 phút			PHÒNG SỐ 16 (LẦU 1)
10	Trường THCS Võ Văn Vân	13 giờ			PHÒNG SỐ 16 (LẦU 1)
11	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	13 giờ			PHÒNG SỐ 11 (LẦU 1)
12	Trường THCS Tân Túc	07 giờ, 30 phút cho đến khi kết thúc			PHÒNG SỐ 17 (LẦU 1)
13	Trường THCS Phong Phú	07 giờ, 30 phút cho đến khi kết thúc			PHÒNG SỐ 18 (LẦU 1)
14	Trường THCS Vĩnh Lộc A	08 giờ cho đến khi kết thúc			PHÒNG SỐ 19 (LẦU 1)
15	Trường THCS Đồng Đen	07 giờ, 30 phút cho đến khi kết thúc			PHÒNG SỐ 21 (LẦU 2)
16	Trường THCS Vĩnh Lộc B	07 giờ, 30 phút cho đến khi kết thúc			PHÒNG SỐ 22 (LẦU 2)
PHÒNG SỐ 20 LẦU 1 VÀ PHÒNG SỐ 30 LẦU 2 (PHÒNG CHỜ CỦA THÍ SINH)					



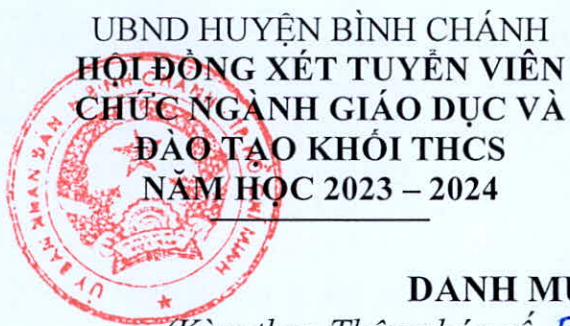
**HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO
DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2023 - 2024**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC THAM GIA TUYỂN DỤNG VỊ TRÍ KẾ TOÁN
(Kèm theo Thông báo số **501**/TB-HĐ ngày **31** tháng 8 năm 2023 của Hội đồng xét tuyển)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	THỜI GIAN THI	NGÀY THI	ĐỊA ĐIỂM	PHÒNG THI
1	Trường THCS Vĩnh Lộc A	07 giờ, 30 phút	NGÀY 09/9/2023	TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TÚC ĐỊA CHỈ: C1/3G, ĐƯỜNG BÙI THANH KHIẾT, KHU PHỐ 3, THỊ TRẤN TÂN TÚC, HUYỆN BÌNH CHÁNH	PHÒNG SỐ 11 (LẦU 1)
2	Trường THCS Phạm Văn Hai	08 giờ			
3	Trường THCS Hưng Long	09 giờ			

**HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2023 - 2024**



UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
**HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN
CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO KHỐI THCS
NĂM HỌC 2023 – 2024**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP

(Kèm theo Thông báo số **501** /TB-HĐ ngày **31** tháng **8** năm 2023
của Hội đồng xét tuyển viên chức)

1. Nội dung dành cho thí sinh dự tuyển vị trí Giáo viên

1.1. Kiến thức chung

- Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 05 tháng 11 năm 2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2019;
- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội;
- Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo;
- Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, THPT, và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.
- Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020, Thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá xếp loại học sinh THCS và THPT ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông;

1.2. Kiến thức chuyên môn: Yêu cầu thí sinh có kiến thức chuyên môn, phương pháp dạy học để giải quyết một vấn đề chuyên môn cụ thể, soạn và giảng dạy 01 hoạt động dạy học cụ thể ..., có khả năng trình bày bảng, khả năng xử lý tình huống. Đối với vị trí Giáo viên Tổng phụ trách đội trả lời các câu hỏi về chuyên môn theo vị trí đăng ký dự tuyển.

2. Nội dung dành cho thí sinh dự tuyển vị trí Nhân viên

2.1. Kiến thức chung: Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 05 tháng 11 năm 2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2019;.

2.2. Kiến thức chuyên môn:

- **Đối với nhân viên Văn thư:** Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về công tác văn thư; Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục; Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- **Đối với nhân viên Thư viện - Thiết bị:** Các kiến thức về Thư viện - Thiết bị và nghiệp vụ công tác Thư viện - Thiết bị.

- **Đối với Nhân viên kế toán:**

+ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

+ Luật Kế toán năm 2015;

+ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

+ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

+ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, Thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

+ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

+ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

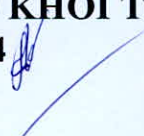
+ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định về phân cấp quản lý Nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

+ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- **Đối với nhân viên Thủ quỹ:** Quyết định số 21-LĐ/QĐ ngày 28 tháng 01 năm 1983 của Bộ Lao động về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ của một số chức danh viên chức nhà nước; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Luật Kế toán năm 2015.

- **Đối với Nhân viên Công nghệ thông tin:** trả lời các câu hỏi về chuyên môn theo vị trí đăng ký dự tuyển.

**HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỐI THCS
NĂM HỌC 2023 – 2024**





UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỎI TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2023 – 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI QUY XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI THÍ SINH THAM DỰ PHÒNG VẤN, THỰC HÀNH

1. Phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.
2. Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để Ban kiểm tra, sát hạch đối chiếu trước khi vào phòng thi.
3. Ngồi đúng chỗ theo hướng dẫn Ban Kiểm tra, sát hạch.
4. Chỉ được mang vào phòng thi thước kẻ, bút viết để làm bài thi và một số loại thuốc mà thí sinh dự thi có bệnh án phải mang theo; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi.
5. Chỉ sử dụng loại giấy thi được phát để làm bài thi; phải ghi đầy đủ các mục quy định đối với thí sinh trên giấy làm bài thi.
6. Bài thi chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để làm bài thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác); không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng lên bài thi.
7. Tuân thủ mọi hướng dẫn của Ban kiểm tra, sát hạch; giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích trong phòng thi.
8. Không được trao đổi với người khác trong thời gian thi, không được trao đổi giấy thi, giấy nháp, không được chép bài hoặc nhìn bài thi của thí sinh khác hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác. Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, truyền tải thông tin có liên quan đến đề thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận thông tin từ ngoài vào phòng thi.
9. Nếu cần hỏi điều gì, phải hỏi công khai Ban Kiểm tra, sát hạch.
10. Không được ra ngoài phòng thi trong thời gian thi; nếu thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cho Ban Kiểm tra, sát hạch xem xét, giải quyết.
11. Thí sinh dự thi chỉ được rời phòng thi khi đã nộp bài và ký xác nhận vào danh sách dự thi. Trường hợp thí sinh dự thi không ký xác nhận trước khi ra khỏi phòng thi thì phải nhận điểm không (0).

12. Thí sinh dự thi có quyền tố giác người vi phạm nội quy, quy chế với Ban Kiểm tra, sát hạch, thành viên Hội đồng thi, thành viên Ban giám sát.

II. XỬ LÝ ĐỐI VỚI THÍ SINH VI PHẠM

1. Khiển trách:

Ban kiểm tra, sát hạch phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Cố ý ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;

b) Trao đổi với thí sinh khác và đã bị nhắc nhở nhưng vẫn không chấp hành;

c) Mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

2. Cảnh cáo:

Ban kiểm tra, sát hạch phòng thi lập biên bản, công bố công khai tại phòng thi và áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với thí sinh khác;

b) Cho thí sinh khác chép bài hoặc chép bài của thí sinh khác;

c) Sử dụng tài liệu, điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính và các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng thông tin khác trong phòng thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác).

3. Đình chỉ thi:

Trường ban quyết định đình chỉ thi đối với thí sinh vi phạm đã bị lập biên bản với hình thức cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy thi hoặc thí sinh cố ý gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng thi. Việc đình chỉ thi được công bố công khai tại phòng thi.

4. Hủy kết quả thi:

Căn cứ vào báo cáo của Chủ tịch Hội đồng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hủy bỏ kết quả thi đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Viết, vẽ vào tờ giấy thi những nội dung không liên quan đến nội dung của bài thi;

b) Đánh tráo bài thi hoặc thi hộ hoặc bị đình chỉ thi.

5. Trừ điểm bài thi:

a) Thí sinh bị khiển trách trong phần thi, bài thi, môn thi nào sẽ bị trừ 25% tổng số câu trả lời đúng hoặc 25% tổng số điểm của phần thi, bài thi, môn thi đó;

b) Thí sinh bị cảnh cáo trong phần thi, bài thi, môn thi nào sẽ bị trừ 50% tổng số câu trả lời đúng hoặc 50% tổng số điểm của phần thi, bài thi, môn thi đó.

c) Khi tổng hợp điểm, căn cứ biên bản xử lý vi phạm do Ban kiểm tra, sát hạch phòng thi lập, Thư ký Hội đồng báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc trừ điểm đối với trường hợp vi phạm.

6. Thí sinh vi phạm nội quy, quy chế phải bị lập biên bản, Ban kiểm tra, sát hạch phòng thi và thí sinh vi phạm cùng phải ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi,.

Trường hợp thí sinh vi phạm không ký biên bản vi phạm thì Ban kiểm tra, sát hạch phòng thi mời hai thí sinh bên cạnh cùng ký xác nhận sự việc. Trường hợp có một trong hai thí sinh hoặc cả hai thí sinh được mời ký xác nhận sự việc không ký biên bản thì Ban kiểm tra, sát hạch phòng thi vẫn lập biên bản và báo cáo theo quy định.

7. Thí sinh cố ý gây mất an toàn, trật tự làm ảnh hưởng đến phòng thi, ngoài việc bị đình chỉ, hủy kết quả thi, tùy theo tính chất, mức độ còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

8. Thí sinh dự thi là cán bộ, công chức, viên chức nếu bị đình chỉ thi hoặc bị hủy hết quả thi, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI BAN KIỂM TRA, SÁT HẠCH

1. Phải có mặt tại địa điểm thi đúng giờ quy định. Trang phục gọn gàng, văn minh, lịch sự.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy chế, nội quy.

3. Giữ trật tự, không được làm việc riêng; không được hút thuốc; không được sử dụng các loại đồ uống có cồn hoặc các chất kích thích; không được sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin khác trong phòng thi, trừ trường hợp Ban kiểm tra, sát hạch phòng thi kiêm kỹ thuật viên sử dụng máy vi tính và các thiết bị có liên quan đối với phần thi, môn thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian thi.

**HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2023 – 2024**